



Working Paper 2024.1.5.9
- Vol. 1, No. 5

**THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC CỦA QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM -
NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**

**Nguyễn Minh Quân¹, Nguyễn Thị Minh Phương, Nguyễn Việt Thành,
Hoàng Quốc Việt**

Sinh viên K59 - Kinh tế đối ngoại

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trần Ngọc Mai,

Sinh viên K59 - Quản trị kinh doanh

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thái Văn Thơ

Giảng viên Bộ môn Khoa học Cơ bản

Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia có mối quan hệ hợp tác hữu nghị từ lâu. Tính đến năm 2023, hai nước kỉ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao kể từ năm 1973. Đặc biệt trong giai đoạn 2013 - 2023 mối quan hệ hai nước ngày càng có sự chuyển biến và phát triển mạnh mẽ kể từ khi Nhật Bản trở thành đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á. Thông qua việc vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp và khái quát, bài viết có mục tiêu làm rõ vai trò của Nhật Bản đối với kinh tế Việt Nam thông qua những thành tựu trong quan hệ thương mại, đầu tư, viện trợ ODA và chỉ ra một số thách thức về vấn đề cạnh tranh, sự phụ thuộc nguyên liệu và biến động thị trường trong giai đoạn này. Thông qua đó bài viết hướng đến phân tích dự báo những triển vọng hợp tác và đề ra giải pháp thúc đẩy mối quan hệ kinh tế giữa hai nước trong tương lai.

Từ khóa: Việt Nam, Nhật Bản, thành tựu, thách thức, triển vọng, quan hệ kinh tế, những năm 2013 - 2023.

¹ Tác giả liên hệ: nguyenminhquan2011115488@ftu.edu.vn

ACHIEVEMENTS AND CHALLENGES OF VIETNAM - JAPAN ECONOMIC RELATIONS DURING 2013 - 2023

Abstract

Vietnam and Japan share a long-standing cooperative relationship. By 2023, the two countries celebrated 50 years of establishing diplomatic relations since 1973. Especially in the period 2013 - 2023, the relationship between the two countries is increasingly changing and developing strongly ever since Japan became an extensive strategic partner for peace and prosperity in Vietnam. Through the application of analysis, summarization and generalization methods, the article aims to clarify the role of Japan towards Vietnam's economy through achievements in trade, investment and ODA relations and points out some challenges regarding competition, materials dependence and market fluctuations. Through these analyses, this paper aims to forecast prospects for cooperation and propose solutions to promote economic relations between the two countries in the future.

Keyword: Vietnam, Japan, achievements, challenges, prospects, economic relations, the years 2013 - 2023.

1. Đặt vấn đề

Nhật Bản và Việt Nam là hai quốc gia ở Châu Á đã hình thành nên mối quan hệ hợp tác hữu nghị từ sớm; bắt đầu từ năm 1973 khi hai nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Mối quan hệ hợp tác hữu nghị này đã có sự phát triển qua từng thời kỳ và trên nhiều phương diện khác nhau như kinh tế, an ninh – chính trị, văn hóa, xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn 10 năm trở lại, từ khi Nhật Bản trở thành đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á và đánh dấu mốc 50 năm quan hệ ngoại giao (1973 -2023), mối quan hệ giữa hai nước ngày càng có chuyển biến mạnh mẽ. Việc thúc đẩy mối quan hệ hợp tác kinh tế với Nhật Bản - một đối tác với nhiều tiềm năng kinh tế sẽ giúp đất nước ta phát triển, tận dụng được nguồn vốn, khoa học công nghệ và đẩy mạnh sự đổi mới. Hơn nữa, Nhật Bản hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4, đối tác đầu tư lớn thứ 3 và đối tác du lịch lớn thứ 3 của Việt Nam cùng nhiều thành tựu kinh tế quan trọng và có nhiều tiềm năng để phát triển. Song, đi kèm với những thành tựu là những thách thức cản trở sự phát triển hợp tác giữa hai nước. Chính vì thế Bài viết này sẽ tập trung phân tích thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trong giai đoạn 2013-2023 và đánh giá các thành tựu, hạn chế của quan hệ kinh tế giữa hai nước trong giai đoạn này nhằm để đánh giá vai trò của Nhật Bản trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam và đặt vấn đề liệu chúng ta đã tối ưu mối quan hệ kinh tế giữa hai nước, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản trong thời gian tới.

2. Khung lý thuyết nghiên cứu

2.1. Chính sách đối ngoại của Việt Nam và Nhật bản

Chủ trương đối ngoại của nhà nước Việt Nam theo Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020 (Phạm Bình Minh, 2010) và Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới (Phạm Bình Minh, 2011) tập trung thể hiện đường lối và chính sách ngoại giao của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và tư tưởng Hồ Chí Minh về đối

ngoại, định hướng xây dựng đối ngoại và các yếu tố như lợi ích dân tộc, Tổ quốc, độc lập, tự chủ được nhấn mạnh. Chính sách đối ngoại của Việt Nam cũng ngày được phát triển hơn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tháng 1/2021) cho rằng cần đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương, thực hiện tốt các trọng trách quốc tế, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc và các khuôn khổ hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương. (Thanh Lan, 2023)

Đối với chủ trương đối ngoại Nhật Bản liên quan đến Việt Nam: khu vực ASEAN trong đó có Việt Nam được chú trọng. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên được thủ tướng S. Y-ô-si-hi-de viếng thăm sau khi nhậm chức vào năm 2020 và khẳng định vai trò quan trọng của Việt Nam là đối tác quan trọng để triển khai “tầm nhìn Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở) Quan hệ ngoại giao hai nước không ngừng phát triển: Từ việc thiết lập quan hệ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài” (năm 2002) đến quan hệ “Đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á” (năm 2009), nâng lên thành quan hệ “Đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á” (năm 2014) (Hương, H.M. & Tuấn, Đ.A. (2022))

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu so sánh, phương pháp lịch sử - logic, tổng hợp và phân tích và dựa trên những kiến thức liên quan về quan hệ kinh tế quốc tế cùng với việc vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và các quan điểm đối ngoại của nhà nước Việt Nam trong mối quan hệ ngoại giao nói chung và đối với Nhật Bản nói riêng.

3. Thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (2013 - 2023)

Nhật Bản là một đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam: Đến thời điểm hiện tại, Nhật Bản đang là nguồn tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam và đứng ở vị trí thứ hai trong danh sách các nhà đầu tư tại Việt Nam. Năm 2013 là năm kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản đồng thời là mốc đánh dấu 20 năm Nhật Bản nối lại Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam sau một thời gian tạm ngừng do tình hình quốc tế trong khu vực Đông Dương. Hiện tại, Nhật Bản đang chủ động hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện Kế hoạch hành động đồng thời với Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam, mục tiêu của hợp tác Việt Nam - Nhật Bản với tầm nhìn xa đến năm 2030.

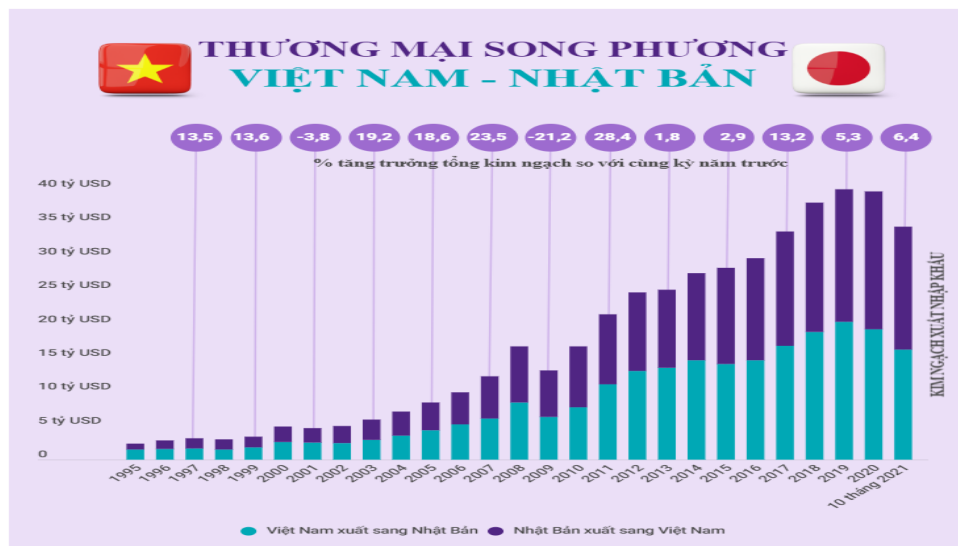
3.1. Quan hệ thương mại

Theo dữ liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam cho thấy rằng Nhật Bản hiện là đối tác thương mại hàng hóa quan trọng thứ hai của Việt Nam, và trong khoảng thời gian những năm gần đây, xuất nhập khẩu giữa hai quốc gia đã tăng trung bình 13,9%. Về mặt lý thuyết, do có sự khác biệt về trình độ kinh tế và thể mạnh hàng hóa, cơ cấu mặt hàng thương mại giữa hai nước có sự bổ sung lẫn nhau. Nhật Bản có ưu thế trong lĩnh vực các mặt hàng công nghệ cao, máy móc và thiết bị, trong khi Việt Nam có lợi thế trong nhóm mặt hàng nông lâm thủy sản và công nghiệp nhẹ. Sự bổ sung này giúp tạo ra một mô hình thương mại hai bên cùng có lợi,

giới hạn sự cạnh tranh trực tiếp và tạo điều kiện thuận lợi hơn để đạt được thỏa thuận thương mại chung.

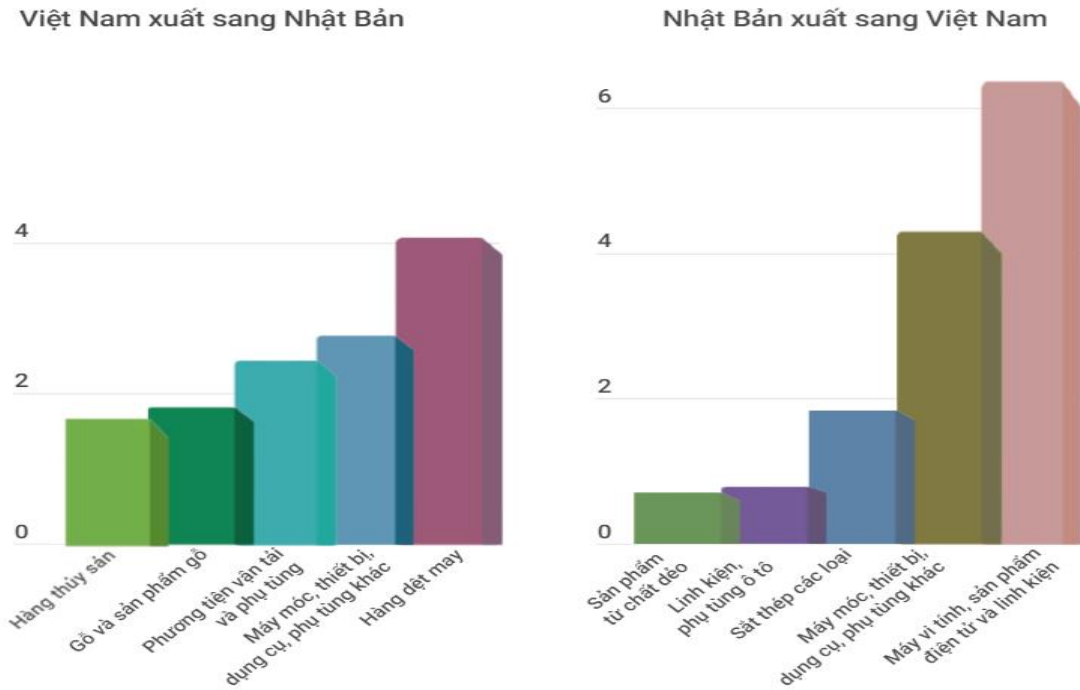
Đối với tương tác thương mại với các quốc gia có nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU), Việt Nam thường xuất siêu. Trong khi đó, gần đây, cân bằng thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản lại nghiêng về phía nhập khẩu. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2014, Việt Nam xuất khẩu hơn từ Nhật Bản, nhưng từ năm 2015 trở đi, đã xuất hiện xu hướng nhập khẩu nhiều hơn. Việt Nam vẫn duy trì sự nhập khẩu dương đối với thị trường EU và Hoa Kỳ, với giá trị nhập khẩu vượt xuất khẩu lần lượt đạt 23 tỷ USD và 29 tỷ USD trong năm 2016. Trong khi đó, nhập khẩu từ Nhật Bản lại đạt 392,6 triệu USD. Trong 4 tháng đầu năm 2017, tình hình cân bằng thương mại vẫn nghiêng về phía nhập khẩu, với tỷ lệ nhập khẩu vượt xuất khẩu khoảng 500 nghìn USD (Tạp chí Công Thương, 2017). Hoạt động thương mại giữa hai quốc gia luôn duy trì mức tăng trưởng đều đặn qua các năm. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch, vào năm 2021, kim ngạch thương mại hai chiều vẫn đạt 42,8 tỷ USD, tăng 7,8% so với năm 2020. Trong 3 quý năm 2022, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam – Nhật Bản ước đạt 35,69 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản ước đạt 17,84 tỷ USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2021 (M.Hiệp, 2022).

Đến tháng 9 năm 2023, giá trị xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Nhật Bản và nhập khẩu từ Nhật Bản vào Việt Nam lần lượt là 17.180 triệu USD và 15.714 triệu USD có sự giảm nhẹ về mặt tỷ trọng so với cùng kỳ năm trước (-3.8% với giá trị xuất khẩu và -12% về giá trị nhập khẩu) (Bộ Công thương, 2023).



Hình 1. Thương mại song phương Việt Nam - Nhật Bản 1995 - 2021 (USD)

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH năm 2022



Hình 2. Cơ cấu một số mặt hàng xuất khẩu Việt Nam - Nhật Bản năm 2022

(đơn vị tính: tỷ USD)

3.2. Quan hệ đầu tư

Qua các năm, FDI từ Nhật Bản vào Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh. Năm 2013, vốn FDI của Nhật Bản đứng đầu trong 54 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 5,747 tỷ USD (Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước ngoài, 2014). Ngày 20/4/2016, Nhật Bản trở thành nhà đầu tư lớn thứ 2 trong tổng số 114 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với hơn 3.000 dự án đầu tư trực tiếp, tổng vốn đăng ký trên 39 tỷ USD. Đến năm 2017, Nhật Bản trở thành nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với 9,11 tỷ USD, chiếm 25,4% tổng vốn đầu tư (Nguyễn Thị Thúy, 2021).

Xét cơ cấu đầu tư theo ngành: công nghiệp chế biến, chế tạo được đầu tư nhiều nhất, với doanh nghiệp Nhật Bản với tổng cộng 1.404 dự án và tổng vốn đăng ký 31,79 tỷ USD (chiếm 82,1% tổng vốn đầu tư). Đứng thứ hai là kinh doanh bất động sản, với tổng vốn 1,74 tỷ USD (4,5% tổng vốn đầu tư). Thứ ba là xây dựng, với tổng vốn đầu tư 1,52 tỷ USD (3,9% tổng vốn đầu tư), còn lại thuộc các ngành, lĩnh vực khác. Về cơ cấu đầu tư theo địa bàn: Nhật Bản đã đầu tư vào 49/63 tỉnh (và các đô thị đặc biệt) trên toàn quốc. Trong đó, Thanh Hóa thu hút vốn đầu tư nhiều nhất với 10 dự án, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 9,68 tỷ USD (chiếm 25% tổng vốn đầu tư). Địa điểm cao thứ hai là Hà Nội, với 693 dự án, tổng vốn đầu tư 4,16 tỷ USD (chiếm 10,7% tổng vốn đầu tư). Bình Dương đứng thứ 3 với 255 dự án, vốn 3,95 tỷ USD (chiếm 10,2% tổng vốn đầu tư). Phần còn lại trải rộng ở các tỉnh, thành phố khác. Về quy mô đầu tư: hầu hết các dự án FDI của Nhật Bản vào Việt Nam đều là dự án đầu tư quy mô nhỏ, do Nhật Bản vẫn coi Việt Nam là thị trường có rủi ro cao. Về hình thức đầu tư: Các dự án của Nhật

Bản tại Việt Nam chủ yếu có hai hình thức: 100% vốn nước ngoài và liên doanh. Trước đây có tổng số 2.299 dự án, với tổng vốn 22,21 tỷ USD, chiếm 82,4% số dự án và 57,3% tổng vốn đầu tư. Sau này có tổng số 450 dự án với tổng vốn đăng ký 15,19 tỷ USD, chiếm 39,2% tổng vốn đầu tư, còn lại là công ty cổ phần và hợp đồng hợp tác kinh doanh; Các hợp đồng BOT, BT và BTO với tổng vốn đầu tư lần lượt là 842,5 triệu USD, 115,1 triệu USD và 34,3 triệu USD. Về hiệu quả đầu tư: Nhìn chung, hoạt động của doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam tương đối tích cực. Nhiều doanh nghiệp làm ra sản phẩm thay thế nhập khẩu, thậm chí còn tích cực tham gia xuất khẩu. Vốn thực hiện trên vốn đăng ký chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn, đạt 73%, trong khi con số trung bình của FDI là khoảng 60%; Tỷ lệ giải thể dự án trước thời hạn thấp; doanh thu dự án đầu tư theo vốn thực hiện đạt 2,2 lần, trong khi mức bình quân chỉ là 1,7 lần (Nguyễn Thị Thúy, 2021).

Theo khảo sát được công bố gần đây của JETRO (Tổ chức Ngoại thương Nhật Bản) trên hơn 1.745 doanh nghiệp Nhật Bản hoạt động tại châu Á, Việt Nam được đánh giá cao về đầu tư cả về triển vọng trung và dài hạn. Trong trung hạn, 92,6% doanh nghiệp sản xuất và 88% doanh nghiệp dịch vụ có ý định mở rộng kinh doanh trong 1-2 năm tới. Về lâu dài, trong vòng 5-10 năm tới, Việt Nam được các nhà đầu tư Nhật Bản đánh giá là địa điểm sản xuất tốt nhất châu Á (Nguyễn Thị Thúy, 2019).

Tính đến 20/9/2023, Nhật Bản đứng thứ 3 (sau Singapore và Trung Quốc) với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,9 tỷ USD, chiếm hơn 14,3% tổng vốn đầu tư. (Minh Ngọc, 2023).

Tính đến thời điểm hiện tại, mặc dù có xu hướng giảm dần để chuyển hướng sang lĩnh vực bất động sản và du lịch, nhưng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến và chế tạo vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu FDI từ Nhật Bản vào Việt Nam. Các hoạt động như chế biến, lắp ráp và xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI Nhật Bản đóng góp vào việc tăng nhập khẩu các sản phẩm máy móc, thiết bị phụ tùng và nguyên liệu từ Nhật Bản vào Việt Nam. Đồng thời, nó cũng đã làm cho cơ cấu thương mại xuất nhập khẩu giảm dần tính bổ sung rõ ràng so với trước đây.

3.3. Viện trợ ODA của Nhật Bản cho Việt Nam

Trải qua hơn 30 năm, từ năm 1992 cho đến thời điểm hiện tại, với hơn 2.700 tỷ Yên vốn vay ODA, gần 100 tỷ Yên hỗ trợ không hoàn lại và khoảng 180 tỷ Yên hỗ trợ hợp tác kỹ thuật, viện trợ ODA từ Nhật Bản đã chiếm hơn 30% tổng lượng viện trợ phát triển song phương dành cho Việt Nam (Thanh Huyền, 2023).

Việc cung cấp ODA từ phía Nhật Bản có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. ODA từ Nhật Bản đã mang đến những cơ hội về thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, chuyển giao nguồn lực về công nghệ và con người, xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô lớn: điện, cấp nước, giao thông,.. Góp phần tác động đáng kể trong việc thu hút FDI và cải thiện đời sống xã hội: giảm nghèo và xóa đói ở Việt Nam. Thống kê ODA Nhật Bản vào Việt Nam 2013 - 2020 (triệu USD) như sau:

Năm ký kết	Tổng ODA và vốn vay ưu đãi	Viện trợ	Vay ưu đãi	Vốn vay ODA
2013	6853,83	390,88	410	6042,95
2014	4450,78	224,99		4225,79
2015	3972,15	58,07	536,31	4978,89
2016	5555,574	40,374	536,31	4978,89
2017	3640,09	0,09		3640
2018	2001,1			2001,1
2019	463			463
2020	105			105

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong một vài năm gần đây thì vốn ODA mà Nhật Bản hỗ trợ cho Việt Nam đang có chiều hướng giảm. Do Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình nên nguồn vốn hỗ trợ phát triển hiện đã dần dần giảm xuống, điều kiện vay ưu đãi ngày càng trở nên khắt khe hơn. Cụ thể thì từ sau năm 2013, nguồn vốn ODA từ Nhật Bản đã giảm mạnh từ 6,8 tỷ USD xuống còn 3,9 tỷ USD năm 2015 và xuống mức 2 tỷ USD năm 2018 (Nguyễn Thị Thanh Lam, 2021).

Như vậy có thể thấy mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản từ 2013 đến nay đã có phát triển tích cực. Về quan hệ thương mại, các hoạt động kinh tế của hai bên có xu hướng tăng dần qua các năm và vẫn có sự tăng trưởng kể cả trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19. Nhật Bản tiếp tục đóng vai trò đối tác kinh tế quan trọng đối với Việt Nam. Trong giai đoạn này, cán cân thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản có sự nghiêng về nhập khẩu ở phía Việt Nam. Về quan hệ đầu tư, Nhật Bản luôn giữ tỷ lệ đầu tư cao, ổn định và là một trong hai quốc gia dẫn đầu về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Các doanh nghiệp Nhật Bản hoạt động hiệu quả, nghiêm túc, tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam, góp phần tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên các dự án đầu tư vào Việt Nam vẫn đa số ở quy mô nhỏ, do thị trường Việt Nam vẫn được xem còn nhiều rủi ro. Viện trợ ODA từ Nhật Bản có sự giảm mạnh qua các năm từ 2013 với tổng 6,8 tỷ chỉ còn 105 tỷ trong khoảng đầu năm 2020. Sự giảm ODA có thể sẽ tiếp tục trong tương lai khi Việt Nam ngày càng nâng cao mức thu nhập trung bình và điều kiện vay vốn dần trở nên khắt khe hơn (Nguyễn Thị Thanh Lam, 2021).

Trong năm 2022, tổng giá trị cam kết vốn vay ODA của JICA cho Việt Nam là 18,9 tỷ yên (tương đương gần 3.100 tỷ đồng, chưa bao gồm tài trợ đầu tư cho khu vực tư nhân). Tính đến tháng 7 năm 2023, Việt Nam nhận được kết quả nổi bật trong thỏa thuận vay ODA với Nhật Bản thông qua 3 dự án, với tổng trị giá lên đến hơn 60 tỷ yên (tương đương với 10.672 tỷ

đồng) trong 3 lĩnh vực: cải tạo hạ tầng giao thông công cộng đô thị; tăng cường chuỗi cung ứng nông sản; phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội hậu đại dịch Covid-19. (Hà My, 2023)

4. Những thành tựu và thách thức trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản

4.1. Thành tựu

Về thương mại, đến năm 2014, Nhật Bản đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của Việt Nam, với kim ngạch thương mại song phương đạt 27,612 tỷ USD. Sự hợp tác này trải rộng trên nhiều lĩnh vực, bao gồm xuất khẩu của Việt Nam trị giá 14,704 tỷ USD và nhập khẩu đạt 12,908 tỷ USD (Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2014). Mối quan hệ thương mại này có nền tảng là Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP). Trong nửa đầu năm tiếp theo, kim ngạch thương mại đạt 13,9 tỷ USD, với xuất khẩu đạt 6,67 tỷ USD (giảm 7,2% so với cùng kỳ năm trước) và nhập khẩu ở mức 7,25 tỷ USD (tăng 26,1% so với cùng kỳ năm trước) (Bộ Công Thương, 2015).

Trao đổi thương mại giữa hai nước đã đạt sự cân bằng, bền vững và tăng trưởng ổn định. Kim ngạch thương mại song phương vào năm 2022 ước đạt gần 50 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản trị giá 24,2 tỷ USD và nhập khẩu từ Nhật Bản trị giá 23,4 tỷ USD. Trong 7 tháng năm 2023, kim ngạch thương mại song phương ước đạt 25 tỷ USD trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản ước 13,1 tỷ USD và nhập khẩu từ Nhật Bản ước 11,9 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, 2023). Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 4, đối tác xuất khẩu lớn thứ 3 và đối tác nhập khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam. Nhật Bản đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương với Việt Nam như: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEP), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Những FTA này đã và đang tạo ra các khuôn khổ hợp tác vô cùng quan trọng và góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư và kinh doanh giữa hai nước theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi

Ngoài ra, Nhật Bản cũng là một đối tác về hợp tác FDI quan trọng. Tính đến tháng 12/2014, Nhật Bản đứng thứ 4 trong số các nhà đầu tư, đóng góp 2,05 tỷ USD, tương đương 10,1% tổng vốn đầu tư. Tính đến tháng 6 năm 2015, Nhật Bản đã tham gia vào 2.661 dự án với số vốn đăng ký 37,72 tỷ USD, giữ vị trí thứ hai trong tổng số nhà đầu tư vào Việt Nam. Đầu tư chủ yếu tập trung vào chế biến, sản xuất, bất động sản và xây dựng (Cục Đầu tư nước ngoài, 2015).

Sau đó, kể từ năm 1992, Nhật Bản thường xuyên cung cấp hỗ trợ thông qua các dự án hợp tác vốn vay ODA, dự án viện trợ không hoàn lại và dự án hợp tác kỹ thuật, với tổng số vốn ODA lũy kế lên đến hơn 3 nghìn tỷ yên (tương đương khoảng 600 nghìn tỷ đồng) tính đến năm 2023, đưa Nhật Bản trở thành nước tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam trong số các nước thành viên OECD. Hiện nay, JICA đang thực hiện tại Việt Nam hơn 100 dự án trên nhiều lĩnh vực như giáo dục, y tế, giao thông, năng lượng, nông nghiệp... Ngoài ra, mối quan hệ giữa hai nước cũng đã thúc đẩy phát triển nhiều khía cạnh khác nhau như quốc phòng - an ninh, hợp tác nông nghiệp, xuất khẩu lao động, du lịch, hợp tác phát triển địa phương.

4.2. Thách thức

4.2.1. Sự lan rộng của các thỏa thuận thương mại

Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đã phát triển đáng kể trong thập kỷ qua. Sự gia tăng của thương mại và đầu tư trực tiếp từ Nhật Bản vào Việt Nam đã mang lại lợi ích đáng kể cho cả hai nước. Tuy nhiên, việc phụ thuộc quá nhiều vào một đối tác thương mại có thể gây ra những rủi ro tiềm ẩn. Một trong những thách thức lớn nhất mà Việt Nam đối mặt trong quan hệ kinh tế với Nhật Bản là sự lan rộng của các thỏa thuận thương mại.

Việt Nam đã ký kết một loạt các thỏa thuận thương mại với Nhật Bản, bao gồm Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện và Tiến bộ (CPTPP). Mặc dù những thỏa thuận này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam vào thị trường Nhật Bản, nhưng đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu cao về năng lực cạnh tranh và quản lý kinh tế. Điều này có thể tạo áp lực lên các doanh nghiệp Việt Nam để thích nghi và nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

4.2.2. Cạnh tranh với các đối thủ khác

Sự gia tăng của Nhật Bản trong việc đầu tư và hợp tác kinh tế với Việt Nam đã thúc đẩy sự cạnh tranh với các đối thủ khác, đặc biệt là Trung Quốc và Hàn Quốc. Cả ba quốc gia đều có mối quan hệ đáng kể với Việt Nam và đang cố gắng mở rộng sự hiện diện của họ trên thị trường Việt Nam. Sự cạnh tranh này có thể tạo ra áp lực lên các doanh nghiệp Việt Nam để duy trì và nâng cao hiệu suất cũng như sáng tạo trong quản lý sản xuất. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, cải thiện hạ tầng kỹ thuật và thúc đẩy nghiên cứu và phát triển.

4.2.3. Sự phụ thuộc quá mức vào nguyên liệu

Một thách thức khác trong quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản là sự phụ thuộc quá mức vào nguyên liệu và công nghệ nhập khẩu từ Nhật Bản của Việt Nam. Việc sử dụng nhiều nguyên liệu và công nghệ nhập khẩu có thể làm cho nền kinh tế Việt Nam trở nên mất ổn định khi phải phụ thuộc vào tình hình thế giới và biến đổi giá cả quốc tế. Để giải quyết thách thức này, Việt Nam cần đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển trong nước để nâng cao khả năng sản xuất và sáng tạo công nghệ. Hơn nữa, cần thúc đẩy sự đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ để giảm sự phụ thuộc vào đối tác nước ngoài.

4.2.4 Sự biến đổi của thị trường thế giới

Cuối cùng, thách thức quan trọng khác là sự biến đổi của thị trường thế giới. Sự gia tăng của cuộc chiến tranh thương mại giữa các quốc gia có thể ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản. Việc thay đổi quy tắc thương mại quốc tế và biến động trong các chuỗi cung ứng cũng có thể tạo ra sự không chắc chắn cho các doanh nghiệp và ngành công nghiệp của cả hai nước. Để đối phó với thách thức này, Việt Nam và Nhật Bản cần tăng cường sự hợp tác và thảo luận về các vấn đề thương mại quốc tế, đồng thời đầu tư vào các nguồn lực đa dạng hóa thị trường và chuỗi cung ứng.

Việc tham gia các hiệp định thương mại nói chung và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với Nhật Bản nói riêng đã tạo điều kiện cho Việt Nam đạt được nhiều kết quả tích cực trong kinh

tế tuy nhiên điều này cũng tạo một số thách thức cho Việt Nam. Để có thể tận dụng tối đa các lợi thế trong mối quan hệ hợp tác, chính phủ Việt Nam cần phải đẩy mạnh khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng để đáp ứng các yêu cầu tối thiểu từ nước đối tác và hạn chế sự phụ thuộc vào Nhật Bản. Việc nâng cao năng lực trong nước cũng sẽ giúp các doanh nghiệp có sự ứng phó tốt hơn nếu diễn ra biến động trên thị trường thế giới.

5. Kiến nghị phát triển quan hệ Việt Nam – Nhật Bản

Việt Nam và Nhật Bản có nhiều cơ hội hợp tác trong lĩnh vực thương mại do hai nền kinh tế có sự bổ sung lẫn nhau. Nhật Bản là quốc gia có nền kinh tế phát triển ở trình độ cao, sở hữu công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới và là một trong những nước đi đầu về ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế số, xã hội số. Trong khi đó, Việt Nam có nền kinh tế đang duy trì tốc độ phát triển nhanh, có độ mở cao, có nguồn nhân lực trẻ dồi dào và có nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất công nghiệp. Hai nền kinh tế có tính bổ sung cao và nhiều tiềm năng hợp tác trong các lĩnh vực đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và đa dạng chuỗi cung ứng, cơ cấu mặt hàng xuất, nhập khẩu của hai nước mang tính bổ sung rõ nét và không có sự cạnh tranh trực tiếp. Tuy nhiên để Việt Nam có thể đáp ứng nguồn lực sản xuất cho Nhật Bản, Việt Nam nên áp dụng chính sách phát triển trình độ chuyên môn nhân lực và phát triển cơ sở hạ tầng để đáp ứng các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao.

Bên cạnh đó để thúc đẩy mối quan hệ kinh tế bền vững giữa hai nước cần đẩy mạnh năng lực cạnh tranh của Việt Nam nhằm duy trì sự cân bằng và hạn chế sự phụ thuộc của Việt Nam vào sự hỗ trợ của Nhật Bản. Trong đó Chính phủ Việt Nam nên khắc phục tình trạng một chiều từ đầu tư viện trợ, ODA, đẩy mạnh các chương trình đầu tư và có những chiến lược vận dụng ODA một cách minh bạch và hiệu quả. Ngoài ra để hạn chế sự ảnh hưởng từ sự biến động trong thị trường thế giới, Việt Nam nên nhìn nhận lại và có sự điều chỉnh cho phù hợp đối với các hiệp định thương mại song phương, đa phương đối với Nhật Bản nói riêng và các đối tác khác nói chung. Việt Nam cần liên tục đổi mới và hoàn thiện những chính sách về kinh tế một linh hoạt. Tận dụng được điểm mạnh của Nhật Bản để học tập và phát triển công nghệ và những ngành kỹ thuật cao phù hợp với thời đại Công nghệ 4.0 thay vì bị động trong việc nhận viện trợ những trang thiết bị và những tài nguyên khác từ Nhật Bản.

6. Kết luận

Việt Nam và Nhật Bản đã và đang có một mối quan hệ kinh tế ngày càng phát triển trong đó Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam. Trong giai đoạn 2013 – 2023, quan hệ thương mại, quan hệ đầu tư và viện trợ ODA có những bước phát triển tích cực và cho thấy nhiều triển vọng hợp tác trong tương lai. Tuy nhiên đi kèm thành tựu là những hạn chế mà hai nước cần phải vượt qua để thúc đẩy tối ưu mối quan hệ kinh tế. Việc các hiệp định thương mại ký kết giữa hai bên có thể gây áp lực lên các doanh nghiệp Việt Nam cũng như sự phụ thuộc quá mức vào tài nguyên và công nghệ Nhật Bản có thể khiến nền kinh tế Việt Nam không ổn định và sự biến đổi thị trường thế giới có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ kinh tế giữa hai nước. Để chuẩn bị những thách thức đó, Việt Nam cần tập trung vào

nghiên cứu, phát triển, và đào tạo nguồn nhân lực, cải thiện hạ tầng kỹ thuật và thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, chú trọng phát triển nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ trong nước để tăng gia sản xuất và giảm được sự phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài. Để có thể đối phó với sự biến đổi của thị trường thế giới, Việt Nam và Nhật Bản cần có sự thích nghi điều chỉnh các hiệp định thương mại cho phù hợp và hoàn thiện các chính sách kinh tế một cách linh hoạt. Đặc biệt Việt Nam nên chủ động trong việc tận dụng những mặt tốt mà mối quan hệ kinh tế với Nhật Bản mang lại nhằm thúc đẩy sự phát triển đất nước và hạn chế sự lệ thuộc quá nhiều vào viện trợ từ Nhật Bản cũng như biến động thị trường. Mối quan hệ giữa hai nước có nhiều triển vọng trong tương lai, tuy nhiên để sự hợp tác ấy mang tính bền vững chính phủ cần áp dụng những chính sách đối ngoại phù hợp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Công Thương (2023), “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 9 năm 2023”, Available at: <http://thongtincongtuong.vn/tinh-hinh-xuat-khau-nhap-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-thang-9-va-9-thang-nam-2023/#:~:text=Th%E1%BB%8B%20tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20xu%E1%BA%A5t%20nh%E1%BA%ADp%20kh%E1%BA%A9u,v%E1%BB%9Bi%20c%C3%B9ng%20k%E1%BB%B3%20n%C4%83m%20tr%C6%B0%E1%BB%9Bc>, truy cập ngày 29/10/2023.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài (2022), “Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2013”, Available at: <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/d8168b8c-b30a-4a72-b8ec-efac5f25744e>, truy cập ngày 06/09/2023.

Cổng thông tin điện tử bộ Tài chính , “Nhật Bản - top 4 đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam”, Available at: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/1/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM183718, truy cập ngày 06/09/2023.

Hà M. H. & Đoàn A. T. (2022), “Về chính sách đối ngoại của thủ tướng Nhật Bản: một vài phân tích và nhận xét”, *Tạp chí Công sản*, Available at: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/ve-chinh-sach-doi-ngoai-cua-thu-tuong-nhat-ban-mot-vai-phan-tich-va-nhan-xet, truy cập ngày 10/3/2024.

Hà M., “Thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, truy cập ngày 06/09/2023.

Hà V. (2023), “Thủ tướng: Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản 'hướng tới tương lai, vươn tầm thế giới' với sự tin cậy, chân thành”, *Báo điện tử Chính phủ*, Available at: <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-quan-he-viet-nam-nhat-ban-huong-toi-tuong-lai-vuon-tam-the-gioi-voi-su-tin-cay-chan-thanh-102230307092922262.htm>, truy cập ngày 06/09/2023.

Huyền M. (2023), “Việt Nam - Nhật Bản thúc đẩy xúc tiến thương mại, đầu tư hướng tới kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao”, *Tạp chí Công thương*, Available at: <https://tapchicongtuong.vn/bai-viet/viet-nam-nhat-ban-thuc-day-xuc-tien-thuong-mai-dau-tu-huong-toi-ky-niem-50-nam-quan-he-ngoai-giao-104791.htm>, truy cập ngày 05/09/2023.

Japan International Cooperation Agency (JICA) (2013), “Japan - Vietnam Partnership to date and from now on”, Available at: https://www.jica.go.jp/Resource/vietnam/office/others/pamphlet/ku57pq0000221kma-att/Japan_Vietnam_Partnership_To_Date_and_From_Now_On_vie.pdf, truy cập ngày 06/09/2023.

Japan International Cooperation Agency (JICA) (2021), “JICA Annual report 2021”, https://www.jica.go.jp/Resource/english/publications/reports/annual/2021/fp4rrb000000sky0-att/2021_all.pdf, truy cập ngày 06/09/2023.

Luu H. (2023), “Thúc đẩy hợp tác đầu tư Việt Nam - Nhật Bản”, *Công an Nhân dân*, Available at: <https://cand.com.vn/kinh-te/thuc-day-hop-tac-dau-tu-viet-nam-nhat-ban-i707872/>, truy cập ngày 06/09/2023.

Minh N. (2023), “Vốn FDI thực hiện 9 tháng năm 2023 cao kỷ lục”, *Báo Điện tử Chính phủ*, Available at: <https://baochinhphu.vn/von-fdi-thuc-hien-9-thang-nam-2023-cao-ky-luc-10223092715520971.html>, truy cập ngày 29/10/2023.

M. Hiệp (2022), “Tăng cường kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản”, *Trang điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, Available at: <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/tang-cuong-ket-noi-giao-thuong-giua-doanh-nghiep-viet-nam-va-nhat-ban-1491901477/>, truy cập ngày 06/09/2023.

Nguyễn T. T. L. (2021), “Nguồn vốn ODA Nhật Bản vào Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 và triển vọng”, *Tạp chí Công thương*, Available at: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nguon-von-oda-nhat-ban-va-viet-nam-giai-doan-2010-2020-va-trien-vong-82705.htm>, truy cập ngày 06/09/2023.

Nguyen T. T. (2019), “Vietnam - Japan economic relations in the early years of the 21st century”, *Báo Lí luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/en/index.php/international-issues/item/622-vietnam-japan-economic-relations-in-the-early-years-of-the-21st-century.html>, truy cập ngày 05/09/2023.

Peter H. (2023), “Tiềm năng thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt Nam- Nhật Bản lên tầm cao mới”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Available at: <https://dangcongsan.vn/hiep-hoi-doanh-nhan-viet-nam-o-nuoc-ngoai-ket-noi-doanh-nhan-kieu-bao-voi-doanh-nghiep-viet/tiem-nang-va-phat-trien/tiem-nang-thuc-day-quan-he-hop-tac-viet-nam-nhat-ban-len-tam-cao-moi-635871.html>, truy cập ngày 06/09/2023.

Phạm B. M. (2010), *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Phạm B. M. (2011), *Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Thanh H. (2021), “ODA Nhật Bản được sử dụng hiệu quả trong 50 năm qua tại Việt Nam”, *VOV*, Available at: <https://vov.vn/chinh-tri/oda-nhat-ban-duoc-su-dung-hieu-qua-trong-50-nam-qua-tai-viet-nam-post1047139.vov>, truy cập 06/09/2023

Thanh H. (2023), “Vốn ODA Nhật Bản có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam”, *Báo đầu tư*, Available at: <https://baodautu.vn/von-oda-nhat-ban-co-vai-tro-quan-trong-doi-voi-su-phat-trien-cua-viet-nam-d184989.html>

Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Quan hệ thương mại Việt Nam Nhật Bản”, Available at: <https://baotintuc.vn/infographics/quan-he-thuong-mai-viet-nam-nhat-ban-20211123095642914.htm>, truy cập 06/09/2023.

Thời báo Tài chính Việt Nam (2023), “Quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản”, Available at: <https://vccinews.vn/news/7808/.html>, truy cập 06/09/2023.

Trần Đ. (2019), “Đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản: Kết quả ấn tượng và triển vọng tươi sáng”, *Tạp chí Công sản*, Available at: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/-oi-ngoai2/-/2018/504460/doi-tac-chien-luoc-sau-rong-viet-nam---nhat-ban--ket-qua-an-tuong-va-trien-vong-tuoi-sang.aspx>, truy cập ngày 06/09/2023.

Trung tâm Thông tin - Tư liệu (2014), “Tiến trình hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN: kinh nghiệm hội nhập và những thách thức đối với Việt Nam”, Available at: <http://vnep.ciem.org.vn/Upload/So%2008%202014%20Tien%20trinh%20hinh%20thanh%20cong%20dong%20kinh%20te%20ASEAN%20Final.pdf>, truy cập 06/09/2023.